

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỮ GIA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch
Ông Cao Tấn Khương	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên
Ông Cao Lương Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Cao Tấn Khương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc Tài chính
Ông Cao Lương Ngọc	Giám đốc Kinh doanh

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Cao Tấn Khương

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 2 năm 2010

Số: 1461/2010/BCKT-IFC-ACAGroup 1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác, các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với khoản phải thu của khách hàng trong lĩnh vực xây dựng với số tiền là 15.266.869.003 đồng do chưa nhận được thư xác nhận.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Lê Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV
Ngày 27 tháng 2 năm 2010

Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.800.279.814	96.724.728.658
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.356.275.307	2.396.178.086
1. Tiền	111		1.356.275.307	2.396.178.086
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	20.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.619.820.829	33.456.113.218
1. Phải thu khách hàng	131		16.665.633.678	20.748.407.762
2. Trả trước cho người bán	132		5.534.975.624	13.027.872.201
5. Các khoản phải thu khác	135		132.347.019	286.881.917
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(713.135.492)	(607.048.662)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	35.550.741.075	34.944.025.914
1. Hàng tồn kho	141		35.645.612.842	34.944.025.914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(94.871.767)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.273.442.603	5.928.411.440
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		42.174.608	85.018.324
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.541.087.995	2.750.020.426
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	2.690.180.000	3.093.372.690
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		344.739.227.633	242.833.552.038
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	270.787.077
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	270.787.077
II. Tài sản cố định	220		332.885.427.285	242.505.036.709
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	70.223.611.122	2.538.870.068
- Nguyên giá	222		77.480.391.270	6.786.577.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.256.780.148)	(4.247.707.457)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	50.000.000	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	262.611.816.163	239.966.166.641
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.400.000	19.400.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	9.400.000	19.400.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		11.844.400.348	38.328.252
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	11.844.400.348	38.328.252
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		414.539.507.447	339.558.280.696

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		260.973.009.973	200.797.531.629
I. Nợ ngắn hạn	310		102.821.718.442	55.797.531.629
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	13.649.438.910	3.449.529.003
2. Phải trả người bán	312		9.477.250.817	6.768.777.235
3. Người mua trả tiền trước	313		8.491.905.428	22.935.321.324
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.419.105.051	8.616.200.459
5. Phải trả người lao động	315		1.045.742.000	947.999.000
6. Chi phí phải trả	316	V.12	59.295.115.093	2.952.800
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		8.443.161.143	13.076.751.808
II. Nợ dài hạn	330		158.151.291.531	145.000.000.000
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.13	25.000.000.000	25.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	133.084.015.008	120.000.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		67.276.523	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.15	153.566.497.474	138.760.749.067
I. Vốn chủ sở hữu	410		151.910.666.717	138.189.676.924
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		82.835.610.000	75.305.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.407.837.000	53.392.672.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(120.600.768)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.540.005.289	4.588.515.561
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		624.928.244	624.928.244
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.622.886.952	4.278.461.119
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.655.830.757	571.072.143
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.655.830.757	571.072.143
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		414.539.507.447	339.558.280.696

Cao Tân Khương
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 2 năm 2010

Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu gộp về bán hàng và CCDV	01	V.16	152.765.591.525	89.638.669.519
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10		152.765.591.525	89.638.669.519
4. Giá vốn hàng bán	11	V.17	110.692.288.458	75.612.574.180
5. Lợi nhuận gộp	20		42.073.303.067	14.026.095.339
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.18	355.834.604	764.672.125
7. Chi phí tài chính	22	V.19	1.519.688.489	1.037.631.317
8. Chi phí bán hàng	24		4.054.210.918	2.300.704.297
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.650.994.347	6.666.430.693
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		30.204.243.917	4.786.001.157
11. Thu nhập khác	31	V.20	475.687.306	22.405.801.591
12. Chi phí khác	32	V.20	-	5.298.473.570
13. Lợi nhuận khác	40		475.687.306	17.107.328.021
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.679.931.223	21.893.329.178
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	1.900.693.969	8.129.272.013
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.779.237.254	13.764.057.165
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.22	3.641	2.546

Cao Tấn Khương
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 2 năm 2010

Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	160.145.059.191	107.101.756.998
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(95.722.782.822)	(109.681.198.035)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.393.973.136)	(7.572.274.856)
Tiền chi trả lãi vay	04	(1.096.195.824)	(959.482.011)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(8.184.509.797)	(696.084.004)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.197.358.657	88.557.796.567
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(34.157.635.851)	(42.410.466.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.787.320.418	34.340.047.905
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(18.362.488.876)	(26.956.988.925)
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(28.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	22.010.000.000	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(500.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi và cổ tức được chia	27	430.976.271	644.828.744
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.078.487.395	(49.712.160.181)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	25.275.000	8.500.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12.115.276.600	52.941.089.686
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.828.566.704)	(94.466.798.294)
6. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.221.217.995)	(170.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.909.233.099)	(33.196.058.608)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.956.574.714	(48.568.170.884)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.396.178.086	50.962.058.453
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	3.522.507	2.290.517
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.356.275.307	2.396.178.086

Cao Tấn Khương
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 2 năm 2010

Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978, theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000, và các lần sửa đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là : 82.835.610.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.283.561 với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 11-11A, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị liên quan:

<u>Tên</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Điện Lữ Gia	Công ty con	11-11A, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí điện cho hệ thống chiếu sáng, tín hiệu giao thông và trang trí nội thất;
- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí cho yêu cầu phục vụ vệ sinh môi trường;
- Sản xuất kinh doanh các loại trụ, cột bằng kim loại;
- Thiết kế và thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Thiết kế và thi công hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Sản xuất kinh doanh và lắp đặt các loại thiết bị báo hiệu giao thông;
- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác và các sản phẩm theo luật định;
- Sản xuất kinh doanh và lắp đặt các cấu kiện sắt thép công nghiệp và dân dụng (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện, sản xuất gốm sứ - thủy tinh, chế biến gỗ tại trụ sở);
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kinh doanh nhà ở, dịch vụ thương mại, đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, đào tạo dạy nghề.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng 120.600.768 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS10. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty là giống nhau.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Phương tiện vận tải	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí môi giới và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí môi giới bao gồm các chi phí môi giới căn hộ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh căn hộ, chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu đã thực hiện trên tổng số doanh thu kế hoạch.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu căn hộ:

Các căn hộ của Công ty được bán quyền kinh doanh căn hộ trước khi được xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án căn hộ và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích cũng như những biến động trên thị trường. Doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá vốn của căn hộ được xác định dựa trên chi phí phát sinh thực tế cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án căn hộ. Chi phí ước tính để xây dựng căn hộ được trích trước và các khoản chi phí thực tế sau khi dự án căn hộ hoàn tất sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Doanh thu xây dựng:

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác định bởi khách hàng, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Đối với khoản doanh thu bán căn hộ hình thành trong tương lai, Công ty áp dụng mức thuế suất tạm tính 2% trên số tiền thu được theo hướng dẫn của thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	119.577.840	146.457.939
Tiền gửi ngân hàng	1.236.697.467	2.249.720.147
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	-
Tổng	5.356.275.307	2.396.178.086

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	-	20.000.000.000

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn các bên có liên quan khác

3. Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.951.656.948	3.913.191.615
Công cụ, dụng cụ	37.219.818	39.156.254
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.589.974.170	28.687.463.866
Thành phẩm	2.980.269.536	2.223.851.809
Hàng hoá	86.492.370	80.362.370
Tổng	35.645.612.842	34.944.025.914
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(94.871.767)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	35.550.741.075	34.944.025.914

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỬ GIASố 11-11A, Cư Xá Bình Thới
Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	24.457.500
Tạm ứng cho nhân viên	2.690.180.000	3.068.915.190
Tổng	2.690.180.000	3.093.372.690

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	193.150.600	2.116.729.608	3.831.312.287	645.385.030	6.786.577.525
Tăng trong năm	81.089.524	34.860.860.179	2.681.752.383	149.893.940	37.773.596.026
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	32.920.217.719	-	-	-	32.920.217.719
Tại ngày 31/12/2009	33.194.457.843	36.977.589.787	6.513.064.670	795.278.970	77.480.391.270
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	166.727.020	1.794.050.560	1.795.411.091	491.518.786	4.247.707.457
Khấu hao trong năm	425.026.010	2.133.470.027	381.362.478	69.214.176	3.009.072.691
Giảm khác					
Tại ngày 31/12/2009	591.753.030	3.927.520.587	2.176.773.569	560.732.962	7.256.780.148
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2009	32.602.704.813	33.050.069.200	4.336.291.101	234.546.008	70.223.611.122
Tại ngày 01/01/2009	26.423.580	322.679.048	2.035.901.196	153.866.244	2.538.870.068

Nguyên giá của một máy móc thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm 2009 với giá trị là 2.457.896.377 đồng (năm 2008: 2.193.577.008 đồng).

6. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2009	-	-
Tăng trong năm	50.000.000	50.000.000
Tại ngày 31/12/2009	50.000.000	50.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2009	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2009	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2009	50.000.000	50.000.000
Tại ngày 31/12/2008	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Cao ốc phức hợp 70 Lữ Gia	262.611.816.163	172.544.028.190
Nhà Máy Nhơn Trạch	-	67.422.138.451
Tổng	262.611.816.163	239.966.166.641

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	9.400.000	19.400.000
Tổng	9.400.000	19.400.000

9. Các khoản chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chi phí môi giới chờ phân bổ	3.675.907.590	-
Chi phí thuê đất ở Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch	7.946.231.102	-
Chi phí khác	222.261.656	38.328.252
Tổng	11.844.400.348	38.328.252

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	2.562.106.756	-
Nợ ngắn hạn	11.087.332.154	3.449.529.003
Tổng	13.649.438.910	3.449.529.003

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bổ sung vốn lưu động từ các ngân hàng sau:

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành dưới hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 10.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là sáu tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp của Công ty là các phương tiện vận tải đã qua sử dụng và một phần nhà xưởng.

Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn dưới hình thức hợp đồng tín dụng có hạn mức 15.000.000.000 đồng. Các khoản tín dụng này có thể rút từng lần bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương tối đa 5.000.000.000 đồng trong thời hạn 8 tháng. Khoản vay được hoàn trả vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

Khoản vay dài hạn với Ngân hàng Commonwealth cho mục đích mua 1 xe ô tô phục vụ cho công tác đi lại. Khoản vay có thời hạn 48 tháng kể từ ngày đầu tiên giải ngân, ngày 12 tháng 3 năm 2009, với lãi suất năm áp dụng khi giải ngân là 9.95%. Lãi suất có thể được điều chỉnh khi ngân hàng có thông báo điều chỉnh. Khoản vay được thế chấp bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay. Trong tháng 1 năm 2010, Công ty đã thanh lý khoản vay dài hạn này sớm hơn thời hạn của hợp đồng vay.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	470.435.032	347.080.716
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.900.693.969	8.195.289.605
Thuế thu nhập cá nhân	47.976.050	73.830.138
Tổng	2.419.105.051	8.616.200.459

12. Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí xây dựng căn hộ hoàn thành	59.209.444.143	-
Chi phí phải trả khác	85.670.950	2.952.800
Tổng	59.295.115.093	2.952.800

13. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nhận vốn góp liên doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII)	25.000.000.000	25.000.000.000
Tổng	25.000.000.000	25.000.000.000

Khoản phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền Công ty Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) góp vốn hợp tác đầu tư xây dựng cao ốc phức hợp địa chỉ 70 Lữ Gia. Khoản góp vốn này sẽ được chia lãi khi dự án bắt đầu có lợi nhuận.

14. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn Ngân hàng		
- Ngân hàng phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long		
- Chi nhánh Chợ Lớn	18.993.645.062	20.000.000.000
- Ngân hàng Ngoại Thương - Chi Nhánh Bến Thành	107.314.191.565	100.000.000.000
- Ngân hàng Eximbank - Sở GD 1 - TPHCM	1.776.178.381	-
Vay dài hạn đối tượng khác		
- Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TPHCM	5.000.000.000	-
Tổng	133.084.015.008	120.000.000.000

14. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng sau:

Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long dưới hình thức hợp đồng tín dụng có thể chấp theo hợp đồng số D.D.0176.07/ HDTĐ ngày 27/04/2007. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 30 tỷ đồng, thời hạn vay là bảy năm nhằm tài trợ cho việc xây dựng nhà máy cơ khí tại Nhơn Trạch. Lãi suất cho vay 0,95%/tháng được tính từ ngày nhận khoản nợ đầu tiên và cố định trong 12 tháng đầu tiên, tháng thứ 13 áp dụng theo hình thức thả nổi. Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất dự án, toàn bộ giá trị xây dựng của nhà máy tại khu công nghiệp Nhơn Trạch và giá trị máy móc thiết bị nhập ngoại và mua mới trong nước hình thành từ khoản vay.

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành theo hợp đồng tín dụng có thể chấp số 0259/TĐ/08CD ngày 10 tháng 4 năm 2008. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 150 tỷ đồng, thời hạn vay là bảy năm nhằm tài trợ cho việc đóng tiền sử dụng đất của dự án cao ốc phức hợp Lữ Gia 100 tỷ đồng và thanh toán cho các chi phí phát sinh của dự án 50 tỷ đồng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo lãi suất thực tế của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Khoản vay được đảm bảo bằng chứng thư bảo lãnh thanh toán có hạn mức bảo lãnh 100 tỷ đồng của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP. HCM (CII) một cổ đông lớn của Công ty. Đồng thời, khoản vay còn được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hình thành trong tương lai tại vị trí của dự án.

Ngân hàng Eximbank Sở Giao Dịch 1 - TPHCM theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-200906376 ngày 24 tháng 8 năm 2009. Khoản vay nhằm mục đích mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, có thời hạn vay là ba năm với thời gian ân hạn là một năm. Lãi suất theo công bố của Ngân Hàng Eximbank tại thời điểm và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay.

Vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM thể hiện khoản vay cho mục đích xây dựng và kinh doanh dự án căn hộ số 70 Lữ Gia. Khoản vay này sẽ được hoàn trả sau 3 năm bằng tiền hoặc bằng các căn hộ có giá trị tương đương.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.562.106.756	-
Trong năm thứ hai	27.566.631.810	2.308.366.987
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	78.688.835.307	77.222.725.000
Sau năm năm	26.828.547.891	40.468.908.013
	135.646.121.764	120.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(2.562.106.756)	-
Số phải trả sau 12 tháng	133.084.015.008	120.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỬ GIA

Số 11-11A, Cư Xá Bình Thới

Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	30.000.000.000	30.458.660.000	3.900.312.703	624.928.244	214.771.424	1.241.185.039	-	66.439.857.410
Tăng vốn trong năm	45.305.100.000	22.934.012.000	-	-	-	-	-	68.239.112.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	13.764.057.165	-	13.764.057.165
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	688.202.858	-	708.620.228	(1.396.823.086)	-	-
Chi cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(8.724.408.000)	-	(8.724.408.000)
Giảm trong năm	-	-	-	-	(352.319.509)	(605.549.999)	-	(957.869.508)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	75.305.100.000	53.392.672.000	4.588.515.561	624.928.244	571.072.143	4.278.461.119	-	138.760.749.067
Tăng vốn trong năm	10.110.000	15.165.000	-	-	-	-	-	25.275.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	28.779.237.254	-	28.779.237.254
Trích lập các quỹ	-	-	1.438.961.863	-	1.438.961.863	(2.877.923.726)	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	10.779.808	-	10.779.808
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-	(120.600.768)	(120.600.768)
Chi cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(12.425.341.500)	-	(12.425.341.500)
Chi thưởng cho Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.104.000.842)	-	(1.104.000.842)
Phát hành cổ phiếu thưởng	7.520.400.000	-	(4.487.472.135)	-	-	(3.032.927.865)	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(354.203.249)	(5.397.296)	-	(359.600.545)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	82.835.610.000	53.407.837.000	1.540.005.289	624.928.244	1.655.830.757	13.622.886.952	(120.600.768)	153.566.497.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	12/31/2009	1/1/2009
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	16.770.000.000	16.250.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	66.065.610.000	59.055.100.000
Tổng	82.835.610.000	75.305.100.000

c. Cổ phiếu

	2009	2008
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	753.051	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	753.051	4.530.510
+ Cổ phiếu phổ thông	753.051	4.530.510
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.283.561	7.530.510
+ Cổ phiếu phổ thông	8.283.561	7.530.510
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

16. Doanh thu

	2009	2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	19.010.205.408	27.569.562.574
- Doanh thu hợp đồng xây dựng:	39.845.043.728	59.611.897.999
- Doanh thu bán quyền kinh doanh căn hộ hình thành trong tương lai	93.512.264.695	2.168.000.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	398.077.694	289.208.946
Tổng	152.765.591.525	89.638.669.519

17. Giá vốn hàng bán

	2009	2008
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã cung cấp	16.634.758.603	26.462.713.496
Giá vốn của hoạt động xây dựng	35.309.156.278	48.893.218.695
Giá vốn hoạt động kinh doanh căn hộ hình thành trong tương lai	58.653.501.810	256.641.989
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	94.871.767	
Tổng	110.692.288.458	75.612.574.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	2009	2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	351.584.604	13.754.232
Lãi đầu tư trái phiếu	4.250.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	32.094.296
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	718.823.597
Tổng	355.834.604	764.672.125

19. Chi phí tài chính

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.233.453.333	896.236.261
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	267.198.910	-
Chi phí tài chính khác	19.036.246	141.395.056
Tổng	1.519.688.489	1.037.631.317

20. Thu nhập khác

	2009	2008
	VND	VND
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất	-	22.090.909.091
Tiền thu từ các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ	316.540.210	-
Thu nhập khác	159.147.096	314.892.500
Tổng	475.687.306	22.405.801.591
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	5.293.086.905
Chi phí khác	-	5.386.665
Tổng	-	5.298.473.570
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	475.687.306	17.107.328.021

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	30.679.931.223	21.893.329.178
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	30.679.931.223	21.893.329.178
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.900.693.969	8.129.272.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp (Tiếp theo)

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm hiện hành sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra cuối cùng của cơ quan thuế.

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.779.237.254	13.764.057.165
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.903.949	5.406.648
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	3.641	2.546

23. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2009	2008
	VND	VND
Doanh thu tài chính		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Sài Gòn (SAMCO)	81.666.667	28.000.000

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí tài chính		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM	341.250.834	-

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM	341.250.834	-

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Sài Gòn (SAMCO)	-	5.000.000.000

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND

Vay và các khoản phải trả dài hạn

Vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM	5.000.000.000	-
Phải trả dài hạn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM	25.000.000.000	25.000.000.000

24. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và khoản mục “chi phí tài chính” trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất không so sánh được với số liệu tương ứng năm trước do Công ty không áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như trình bày tại Thuyết minh số III.

Cao Tấn Khương
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 2 năm 2009

Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng